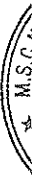




**Công ty TNHH Quản lý Quỹ
Eastspring Investments**

**Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019**



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh 4104000113 ngày 24 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần 1 ngày 23 tháng 1 năm 2006

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý quỹ 03/UBCK-GPHDQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005
17/UBCK-GP ngày 23 tháng 7 năm 2008
27/UBCK-GPDC ngày 20 tháng 11 năm 2008
67/UBCK-GPDC ngày 15 tháng 4 năm 2010
25/GPDC-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2011
51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012
08/GPDC-UBCK ngày 26 tháng 3 năm 2013
29/GPDC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2013
63/GPDC-UBCK ngày 10 tháng 8 năm 2018

Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý quỹ lần lượt do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK để bổ sung thêm chức năng tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Theo Điều lệ Công ty, thời gian hoạt động của Công ty nhất quán với thời gian hoạt động của công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam. Giấy phép Đầu tư của công ty mẹ có giá trị đến ngày 29 tháng 10 năm 2049.

Hội đồng Thành viên

| | |
|------------------------------|--|
| Buwalda Jeroen Jelle Bart | Chủ tịch (từ ngày 18 tháng 3 năm 2019) |
| Xavier Bernard Maurice Meyer | Chủ tịch (đến ngày 17 tháng 3 năm 2019) |
| Ngô Thế Triệu | Thành viên |
| Clive Darren Baker | Thành viên |

Ban Giám đốc Ngô Thế Triệu Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Tòa nhà Saigon Trade Center
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

V/v: Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

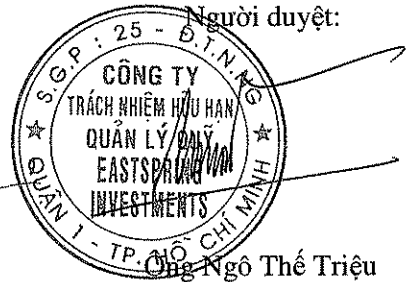
Ngày 13 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Ông Tống Công Cường
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

Người duyệt:



Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

**Kính gửi Hội đồng thành viên
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 13 tháng 8 năm 2019 (“Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính”), được trình bày từ trang 6 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này theo các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

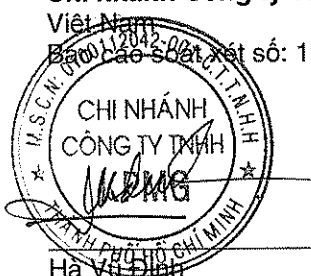
Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investment tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 không được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Cơ sở trình bày và hạn chế sử dụng

Chúng tôi muốn lưu ý đến thuyết minh số 2(a) của Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính về cơ sở lập báo cáo. Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính được lập để Công ty tuân thủ với các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính. Do đó, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính không được sử dụng cho mục đích khác. Báo cáo soát xét của chúng tôi chỉ nhằm mục đích để Công ty nộp cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 87 và không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo Soát xét số: 19-01-00339-19-2



Hà Vũ Linh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2019

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

| STT | Các chỉ tiêu | Thuyết minh | 30/6/2019 |
|-----|---|-------------|-------------|
| I | Tổng giá trị rủi ro thị trường (VND'000) | 4 | - |
| II | Tổng giá trị rủi ro thanh toán (VND'000) | 5 | 13.054.401 |
| III | Tổng giá trị rủi ro hoạt động (VND'000) | 6 | 15.612.592 |
| IV | Tổng giá trị rủi ro (IV=I+II+III) (VND'000) | | 28.666.993 |
| V | Vốn khả dụng (VND'000) | 7 | 142.649.732 |
| VI | Tỷ lệ Vốn khả dụng (VI=V/IV) (%) | | 498% |

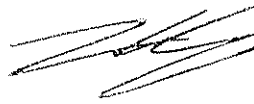
Ngày 13 tháng 8 năm 2019

Người lập:

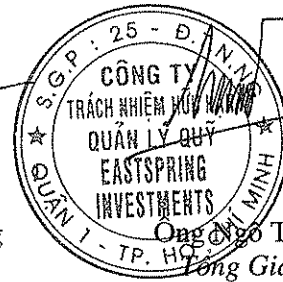
Người duyệt:



Bà Lê Minh Thùy
Kế toán trưởng



Ông Tổng Công Cường
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cấu trúc Công ty

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được cấp phép và thành lập tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý quỹ và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép quản lý quỹ là 25 tỷ VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 19 nhân viên (31/12/2018: 20 nhân viên) trong đó có một (1) nhân viên quản lý cấp cao. Trong kỳ, có một (1) nhân viên nghỉ việc và không có nhân viên nào vi phạm kỷ luật. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 9 nhân viên (31/12/2018: 10 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

2. Cơ sở lập báo cáo

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính được lập để Công ty tuân thủ với các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 (“Thông tư 87”) của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính. Do đó, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính, và việc sử dụng báo cáo này không được thiết kế cho những người không được biết về các nguyên tắc và các yêu cầu của Thông tư 87 về việc lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính áp dụng cho các tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam. Do đó, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

(b) Cơ sở số liệu tài chính

Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

(c) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam, cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính, được làm tròn đến nghìn đồng (“VND’000”).

3. Tóm tắt những chính sách chủ yếu được áp dụng trong việc lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính

Sau đây là những chính sách chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này.

(a) Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo quy định của Thông tư 87 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}} * 100\%$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường (Thuyết minh 3(c)), giá trị rủi ro thanh toán (Thuyết minh 3(d)) và giá trị rủi ro hoạt động (Thuyết minh 3(e)).

(b) Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày. Vốn khả dụng bao gồm các khoản sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ đầu tư phát triển (nếu có);
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái; và
- Vốn khác (nếu có).

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

- Trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi do Công ty phát hành có kỳ hạn ban đầu tối thiểu là năm (5) năm, không được bảo đảm bằng tài sản của Công ty, chỉ được mua lại trước thời hạn theo đề nghị của người sở hữu hoặc mua lại trên thị trường thứ cấp sau khi đã thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Công ty bị lỗ và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; và
- Các công cụ nợ khác do Công ty phát hành có kỳ hạn ban đầu tối thiểu trên mười (10) năm, không được bảo đảm bằng tài sản của Công ty; được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông. Tổng giá trị các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu này được sử dụng để bổ sung vào vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm các khoản mục sau:

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày; và
- Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được soát xét (nếu có).

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba) và giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị sổ sách (đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của khách hàng).

(c) Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo quy định của Thông tư 87 như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} * \text{Giá tài sản} * \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

(i) Vị thế ròng

Vị thế ròng đối với một chứng khoán tại một thời điểm là số lượng chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty không xác định giá trị rủi ro thị trường cho các chứng khoán và tài sản sau:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Trái phiếu, các công cụ nợ và giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn; và
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai, chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

(ii) Giá tài sản

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá được quy định tại Thông tư 87 như sau:

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|---|--|---|
| Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | |
| 1 | Tiền VND | Số dư tài khoản tại ngày báo cáo |
| 2 | Ngoại tệ | Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày báo cáo |
| 3 | Tiền gửi kỳ hạn | Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày báo cáo |
| 4 | Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu | Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày báo cáo |
| Trái phiếu | | |
| 5 | Trái phiếu niêm yết | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Giá niêm yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế (nếu giá niêm yết chưa bao gồm lãi lũy kế) ➢ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày báo cáo, giá thị trường là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế. |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|-----------------|---|---|
| | | <p><i>Tức là:</i> Max (Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế)</p> |
| 6 | Trái phiếu không niêm yết | <p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá niêm yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn, cộng lãi lũy kế; + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế. <i>Tức là:</i> Max (Giá niêm yết (nếu có); Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế)</p> |
| Cổ phiếu | | |
| 7 | Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh | <p>➤ Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo</p> <p>➤ Trường hợp không có giao dịch trong hai (02) tuần tính đến ngày báo cáo, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. <i>Tức là:</i> Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty)</p> |
| 8 | Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | <p>➤ Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo</p> <p>➤ Trường hợp không có giao dịch trong hai (02) tuần tính đến ngày báo cáo, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. <i>Tức là:</i> Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty)</p> |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|-----|--|---|
| 9 | Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom | <ul style="list-style-type: none"> ➤ Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo ➤ Trường hợp không có giao dịch trong hai (02) tuần tính đến ngày báo cáo, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. <i>Tức là:</i> Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty) |
| 10 | Cổ phiếu đã lưu ký nhưng chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch | <ul style="list-style-type: none"> ➤ Giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán không phải là bên liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo ➤ Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá từ báo giá của các công ty chứng khoán; + Giá của kỳ báo cáo gần nhất; + Giá trị sổ sách; + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. <i>Tức là:</i> Max (Giá từ báo giá của các công ty chứng khoán; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty) |
| 11 | Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch | <p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. <i>Tức là:</i> Max (Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty) |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|--|--|--|
| 12 | Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản | 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty |
| 13 | Cổ phần, phần vốn góp khác | Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. <i>Tức là:</i> Max (Giá trị sổ sách; Giá mua/giá trị vốn góp; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty) |
| Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán | | |
| 14 | Quỹ đóng đại chúng/Quỹ ETF | <ul style="list-style-type: none"> ➤ Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo ➤ Trường hợp không có giao dịch trong hai (2) tuần trước ngày báo cáo, là NAV/ICCG tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày báo cáo |
| 15 | Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ | Giá trị tài sản ròng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày báo cáo |
| 16 | Các trường hợp khác | Giá trị được xác định theo quy định nội bộ của Công ty |
| Tài sản cố định | | |
| 17 | Quyền sử dụng đất... | Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn |
| 18 | Nhà cửa và vật kiến trúc bao gồm các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang | Giá trị được xác định bởi một tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn/Chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế |
| 19 | Các trang thiết bị, máy móc, phương tiện... | Giá trị còn lại của tài sản |
| 20 | Các tài sản cố định khác | Giá trị được xác định bởi một tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|-------------------------|---|---|
| Chứng khoán khác | | |
| 21 | Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức kinh doanh chứng khoán khác phát hành | <ul style="list-style-type: none"> ➤ Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo ➤ Giá mua (nếu chứng quyền có đảm bảo chưa niêm yết) |
| 22 | Cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài | <ul style="list-style-type: none"> ➤ Giá (theo đồng ngoại tệ) x tỷ giá chuyển đổi sang đồng tại ngày báo cáo ➤ Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày báo cáo ➤ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày báo cáo, là giá trị lớn nhất trong giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của công ty. <p><i>Tức là:</i> Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</p> |

(iii) Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định của Thông tư 87 được trình bày ở Thuyết minh số 4.

(iv) Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định theo quy định trên đây sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 10% tới 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 15% tới 25% vốn chủ sở hữu của Công ty; và
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi và các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

(d) Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch hoặc ngày hợp đồng như sau:

- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn thanh toán:

$$= \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} * \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Nguyên tắc xác định giá trị rủi ro trước thời hạn thanh toán trên đây được áp dụng cho các hợp đồng sau đây:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác;
- Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; và
- Các khoản phải thu trong hạn của Công ty, các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán.

- Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán:

$$= \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian} * \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Nguyên tắc xác định giá trị rủi ro quá thời hạn thanh toán trên đây được áp dụng cho:

- Các khoản phải thu đã quá hạn, kể cả trái phiếu đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán;
- Tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của Công ty, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán; và
- Chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các giao dịch, hợp đồng đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; và các khoản phải thu khách hàng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

(i) Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được quy định tại Thông tư 87 như sau:

| STT | Đối tác thanh toán cho Công ty | Hệ số rủi ro thanh toán |
|-----|--|-------------------------|
| 1 | Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 0% |
| 2 | Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán | 0,8% |
| 3 | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty | 3,2% |
| 4 | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty | 4,8% |
| 5 | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam | 6% |
| 6 | Các tổ chức, cá nhân khác | 8% |

Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian quá hạn được quy định tại Thông tư 87 như sau:

| STT | Thời gian quá hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | Hệ số rủi ro thanh toán |
|-----|--|-------------------------|
| 1 | Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 16% |
| 2 | Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 32% |
| 3 | Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 48% |
| 4 | Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 100% |

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán theo quy định về chứng khoán phái sinh (đối với chứng khoán phái sinh), là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết) hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

(ii) Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại:

| STT | Loại hình giao dịch | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán |
|-----|--|---|
| 1 | Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm | Toàn bộ giá trị tiền gửi và khoản cho vay |
| 2 | Cho vay chứng khoán | Max {(Giá trị thị trường của hợp đồng – Giá trị tài sản bảo đảm (nếu có)), 0} |
| 3 | Vay chứng khoán | Max {(Giá trị tài sản bảo đảm – Giá trị thị trường của hợp đồng), 0} |
| 4 | Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại | Max {(Giá trị hợp đồng tính theo giá mua – Giá trị thị trường của hợp đồng * (1 – Hệ số rủi ro thị trường)), 0} |
| 5 | Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại | Max {Giá trị thị trường của hợp đồng * (1 – Hệ số rủi ro thị trường) – Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}, 0} |
| 6 | Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | Max {(Số dư nợ – Giá trị tài sản bảo đảm), 0} |

Số dư nợ bao gồm giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí có liên quan.

Giá trị tài sản bảo đảm được xác định theo giá thị trường. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động giao dịch chứng khoán:

| STT | Thời gian | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro |
|---|---|--|
| A. Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới) | | |
| 1 | Trước thời hạn nhận thanh toán | Không |
| 2 | Sau thời hạn nhận thanh toán | Giá thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch) |
| | | Không (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch) |
| B. Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới) | | |
| 1 | Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán | Không |
| 2 | Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán | Giá thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch) |
| | | Không (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch) |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

- *Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán của các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn và các công cụ nợ đã đáo hạn là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).*

(iii) Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty được điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành; và
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác hoặc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản bảo đảm tính giảm trừ được xác định như sau:

$$\text{Giá trị tài sản bảo đảm} = \text{Khối lượng tài sản} * \text{Giá tài sản} * (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})$$

Giá tài sản được xác định theo quy định của Thông tư 87 được trình bày ở Thuyết minh 3c(ii).

Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo quy định của Thông tư 87 được trình bày ở Thuyết minh số 4.

(iv) Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức hoặc cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% tới 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức hoặc cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% tới 25% vốn chủ sở hữu của Công ty; hoặc
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức hoặc cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% trở lên vốn chủ sở hữu của Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

(v) *Bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ ròng song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch; và
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

(e) *Giá trị rủi ro hoạt động*

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định là giá trị lớn hơn của hai giá trị sau:

- 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán; và
- 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

Chi phí duy trì hoạt động được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn; và
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

4. Giá trị rủi ro thị trường

| Các hạng mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 | | Hệ số rủi ro | Quy mô rủi ro (VND'000) | Giá trị rủi ro (VND'000) |
|--|--|-----------------|----------------------------|-----------------------------|
| | | (1) | (2) | (3)=(1)*(2) |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | 134.092.174 | |
| 1. | Tiền | 0% | 2.322.898 | - |
| 2. | Các khoản tương đương tiền và tiền gửi | 0% | 131.769.276 | - |
| 3. | Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi | 0% | - | - |
| II. | Trái phiếu Chính phủ | | | |
| 4. | Trái phiếu Chính phủ không trả lãi | 0% | - | - |
| 5. | Trái phiếu Chính phủ trả lãi cuống phiếu: Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu phát hành bởi các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD | 3% | - | - |
| III. | Trái phiếu doanh nghiệp | | | |
| 6. | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 8% | - | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 10% | - | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 15% | - | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 20% | - | - |
| 7. | Trái phiếu chưa niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 25% | - | - |
| | Trái phiếu chưa niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 30% | - | - |
| | Trái phiếu chưa niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 35% | - | - |
| | Trái phiếu chưa niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 40% | - | - |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

| Các hạng mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 | | Hệ số rủi ro | Quy mô rủi ro (VND'000) | Giá trị rủi ro (VND'000) |
|---|--|-----------------|----------------------------|-----------------------------|
| | | (1) | (2) | (3)=(1)*(2) |
| IV. | Cổ phiếu | | | |
| 8. | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở | 10% | - | - |
| 9. | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | 15% | - | - |
| 10. | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom | 20% | - | - |
| 11. | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO) | 30% | - | - |
| 12. | Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác | 50% | - | - |
| V. | Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán | | | |
| 13. | Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng | 10% | - | - |
| 14. | Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ | 30% | - | - |
| VI. | Chứng khoán bị hạn chế giao dịch | | | |
| 15. | Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch | 40% | - | - |
| 16. | Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch | 50% | - | - |
| VII. | Các tài sản khác | | | |
| 17. | Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác | 80% | - | - |
| 18. | Các tài sản đầu tư khác | 80% | - | - |
| VIII. | Rủi ro tăng thêm (nếu có) | | - | - |
| TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII) | | | | - |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

5. Giá trị rủi ro thanh toán

| I. | Rủi ro trước thời hạn thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 | Giá trị rủi ro (VND'000) | | | | | | Tổng giá trị rủi ro (VND'000) |
|-----|--|--------------------------|------|------|------|------------------|------------------|-------------------------------|
| | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | |
| | Loại hình giao dịch | | | | | | | |
| | Hệ số rủi ro thanh toán | 0% | 0,8% | 3,2% | 4,8% | 6% | 8% | |
| 1. | Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán | - | - | - | - | 7.906.157 | 2.668.804 | 10.574.961 |
| 2. | Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | - |
| 3. | Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | - |
| 4. | Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | - |
| 5. | Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | - |
| 6. | Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | - |
| | Tổng | - | - | - | - | 7.906.157 | 2.668.804 | 10.574.961 |
| II. | Rủi ro quá thời hạn thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 | | | | | | | |
| | Thời gian quá hạn | | | | | | | |
| 1. | 0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | | | | | 16% | - | - |
| 2. | 16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | | | | | 32% | - | - |
| 3. | 31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | | | | | 48% | - | - |
| 4. | Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | | | | | 100% | - | - |
| | Tổng | | | | | | | |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

| III. | Rủi ro tăng thêm (nếu có) tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro (VND'000) | Giá trị rủi ro (VND'000) |
|--|---|-------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| 1. | Tiền gửi có kỳ hạn chiếm trên 25% vốn chủ sở hữu của Công ty | 30% | 3.679.455 | 1.103.837 |
| 2. | Tiền gửi có kỳ hạn chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty | 20% | 4.226.702 | 845.340 |
| 3. | Các khoản phải thu chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty | 20% | 2.651.313 | 530.263 |
| | Tổng | | 10.557.470 | 2.479.440 |
| TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (I+II+III) | | | | |
| | | | | 13.054.401 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

- (1) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được bảo lãnh bởi Chính phủ, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;
- (3) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD;
- (4) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD;
- (5) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- (6) Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức, cá nhân khác.

6. Giá trị rủi ro hoạt động

| STT | Chỉ tiêu | 30/6/2019 VND'000 |
|-------------|---|----------------------|
| I. | Tổng chi phí hoạt động phát sinh cho kỳ 12 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 | 62.899.633 |
| II. | Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí hoạt động | 449.267 |
| 1. | Chi phí khấu hao | 449.267 |
| 2. | Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn | - |
| 3. | Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn | - |
| 4. | Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | - |
| III. | Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II) | 62.450.366 |
| IV. | 25% tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III) | 15.612.592 |
| V. | 20% vốn pháp định của Công ty | 5.000.000 |
| | TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (=Max {IV, V}) | 15.612.592 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

7. **Vốn khả dụng**

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng tại ngày 30/6/2019 | | |
|------------|---|---------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| | | Vốn khả dụng (VND'000) | Khoản giảm trừ (VND'000) | Khoản tăng thêm (VND'000) |
| A. | Nguồn vốn | | | |
| 1. | Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | 25.000.000 | | |
| 2. | Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | - | | |
| 3. | Cổ phiếu quỹ | - | | |
| 4. | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có) | 2.081.457 | | |
| 5. | Quỹ đầu tư phát triển (nếu có) | - | | |
| 6. | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 2.081.457 | | |
| 7. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | | |
| 8. | Lợi nhuận chưa phân phối | 119.084.645 | | |
| 9. | Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản | - | | |
| 10. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định | - | | |
| 11. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | | |
| 12. | Các khoản nợ có thể chuyển đổi | | | - |
| 13. | Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm liên quan đến các khoản đầu tư | | | - |
| 14. | Vốn khác (nếu có) | - | | |
| 1A. | Tổng | | | 148.247.559 |
| B. | Tài sản ngắn hạn | | | |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | | | |
| II. | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | | |
| 1. | Đầu tư ngắn hạn | | | |
| | <i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9</i> | | | |
| | <i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6</i> | | | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | | |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng tại ngày 30/6/2019 | | |
|------------|---|---------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| | | Vốn khả dụng (VND'000) | Khoản giảm trừ (VND'000) | Khoản tăng thêm (VND'000) |
| III | Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác | | | |
| 1. | Phải thu của khách hàng | | | |
| | <i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i> | | | |
| | <i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i> | | | - |
| 2. | Trả trước cho người bán | | | - |
| 3. | Phải thu hoạt động nghiệp vụ | | | |
| | <i>Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i> | | | |
| | <i>Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i> | | | - |
| 4. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | | | |
| | <i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i> | | | |
| | <i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i> | | | - |
| 5. | Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | | | |
| | <i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i> | | | |
| | <i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i> | | | - |
| 6. | Các khoản phải thu khác | | | |
| | <i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i> | | | |
| | <i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i> | | | - |
| 7. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | | |
| IV. | Hàng tồn kho | | | - |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | | | |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | | 809.276 | |
| 2. | Thuế GTGT được khấu trừ | | | - |
| 3. | Thuế và các khoản phải thu nhà nước | | | - |
| 4. | Tài sản ngắn hạn khác | | | - |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng tại ngày 30/6/2019 | | |
|-------------|--|---------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| | | Vốn khả dụng (VND'000) | Khoản giảm trừ (VND'000) | Khoản tăng thêm (VND'000) |
| 4.1. | Tạm ứng | | | |
| | <i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống</i> | | | |
| | <i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày</i> | | | - |
| 4.2. | Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác | | 39.000 | |
| 1B. | Tổng | | | 848.276 |
| C. | Tài sản dài hạn | | | |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác | | | |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | | | |
| | <i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i> | | | |
| | <i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i> | | | - |
| 2. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | | | - |
| 3. | Phải thu dài hạn nội bộ | | | |
| | <i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i> | | | |
| | <i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i> | | | - |
| 4. | Phải thu dài hạn khác | | | |
| | <i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i> | | | |
| | <i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i> | | | - |
| 5. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | | |
| II | Tài sản cố định | | 1.165.903 | |
| III. | Bất động sản đầu tư | | | - |
| IV. | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | | |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | | | - |
| 2. | Vốn góp liên doanh | | | - |
| 3. | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | | | - |
| 4. | Đầu tư chứng khoán dài hạn | | | |
| | <i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9</i> | | | |
| | <i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6</i> | | | - |
| 5. | Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài | | | - |
| 6. | Đầu tư dài hạn khác | | | - |
| 7. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | | |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng tại ngày 30/6/2019 | | |
|------------|---|---------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| | | Vốn khả dụng (VND'000) | Khoản giảm trừ (VND'000) | Khoản tăng thêm (VND'000) |
| V. | Tài sản dài hạn khác | | | |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | | - | |
| 2 | Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | | 2.547.936 | |
| 3 | Ký cược, ký quỹ dài hạn | | 1.035.712 | |
| | Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 6 | | | - |
| 1C. | Tổng | | | 4.749.551 |
| | VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C | | | 142.649.732 |

8. Phê duyệt Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính

Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính được chấp thuận và phê duyệt phát hành bởi Ban Giám đốc của Công ty tại ngày 13 tháng 8 năm 2019.

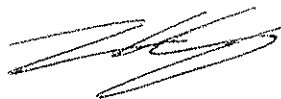
Ngày 13 tháng 8 năm 2019

Người lập

Người duyệt



Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Ông Tổng Công Cường
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc